

**ĐIỂM XÉT TUYỂN ĐỢT 1 NĂM 2026**  
**Bậc đào tạo: Thạc sĩ**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm hồ sơ		Điểm thi vấn đáp chuyên môn		Tổng điểm xét tuyển		Chuyên ngành	Ghi chú
				Điểm số	Điểm chữ	Điểm số	Điểm chữ	Điểm số	Điểm chữ		
1	09001	Cao Xuân Hoàng	08/02/2002	14,0	Mười bốn	63,3	Sáu ba phẩy ba	77,3	Bảy bảy phẩy ba	Biển đổi khí hậu	
2	09002	Dương Trí Dũng	17/11/1997	15,0	Mười lăm	69,3	Sáu chín phẩy ba	84,3	Tám tư phẩy ba	Quản lý phát triển đô thị	
3	09003	Phạm Văn Cảnh	30/06/1996	15,0	Mười lăm	70,6	Bảy mươi phẩy sáu	85,6	Tám lăm phẩy sáu	Khoa học bền vững	
4	09004	Nguyễn Phương Hằng	11/05/1975	18,0	Mười tám	71,0	Bảy một	89,0	Tám chín	Khoa học bền vững	
5	09005	Vũ Ngọc Hoa	07/09/1990	18,0	Mười tám	69,6	Sáu chín phẩy sáu	87,6	Tám bảy phẩy sáu	Khoa học bền vững	
6	09006	Lăng Trịnh Mai Hương	24/01/1976	13,0	Mười ba	70,0	Bảy mươi	83,0	Tám ba	Khoa học bền vững	
7	09007	Tạ Đức Thịnh	05/03/1997	14,0	Mười bốn	65,3	Sáu lăm phẩy ba	79,3	Bảy chín phẩy ba	Khoa học bền vững	
8	09008	Bùi Anh Tuấn	22/06/1998	15,0	Mười lăm	64,0	Sáu tư	79,0	Bảy chín	Khoa học bền vững	
9	09009	Nguyễn Thị Hồng Vân	21/08/1991	16,0	Mười sáu	63,0	Sáu ba	79,0	Bảy chín	Khoa học bền vững	
10	09010	Nguyễn Thị Kim Yến	22/09/1997	17,0	Mười bảy	61,0	Sáu một	78,0	Bảy tám	Khoa học bền vững	
11	09011	Hoàng Thị Nguyệt	27/07/1995	13,0	Mười ba	77,0	Bảy bảy	90,0	Chín mươi	Di sản học	
12	09012	Nguyễn Tấn Nam Phương	30/11/2000	13,0	Mười ba	70,0	Bảy mươi	83,0	Tám ba	Di sản học	
13	09013	Lý Thu Thảo	08/06/1998	15,0	Mười lăm	77,0	Bảy bảy	92,0	Chín hai	Di sản học	
14	09015	Vũ Thu Trang	17/02/1985	17,0	Mười bảy	-		17,0	Mười bảy	Di sản học	vắng thi
15	09016	Nông Cẩm Tú	04/10/2002	14,0	Mười bốn	74,6	Bảy tư phẩy sáu	88,6	Tám tám phẩy sáu	Di sản học	
16	09017	Vũ Chúc Anh	27/11/2000	14,0	Mười bốn	-		14,0	Mười bốn	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	vắng thi
17	09018	Nguyễn Thùy Dung	17/03/1992	13,0	Mười ba	72,0	Bảy hai	85,0	Tám lăm	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm hồ sơ		Điểm thi vấn đáp chuyên môn		Tổng điểm xét tuyển		Chuyên ngành	Ghi chú
				Điểm số	Điểm chữ	Điểm số	Điểm chữ	Điểm số	Điểm chữ		
18	09019	Hồ Thu Hằng	30/10/2002	13,0	Mười ba	63,3	Sáu ba phẩy ba	76,3	Bảy sáu phẩy ba	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
19	09020	Phạm Công Hùng	28/05/2003	13,0	Mười ba	64,3	Sáu tư phẩy ba	77,3	Bảy bảy phẩy ba	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
20	09021	Trần Đức Hùng	22/02/1985	19,0	Mười chín	70,0	Bảy mươi	89,0	Tám chín	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
21	09022	Nguyễn Thanh Lâm	20/08/2003	14,0	Mười bốn	62,3	Sáu hai phẩy ba	76,3	Bảy sáu phẩy ba	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
22	09023	Lê Thị Hồng Liên	26/08/1993	16,0	Mười sáu	54,0	Năm tư	70,0	Bảy mươi	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
23	09024	Lý Phương Mai	26/12/2003	14,0	Mười bốn	71,6	Bảy một phẩy sáu	85,6	Tám lăm phẩy sáu	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
24	09025	Mạc Hoàng Phúc	27/07/1990	10,0	Mười	60,0	Sáu mươi	70,0	Bảy mươi	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
25	09026	Đặng Công Tân	20/07/2002	13,0	Mười ba	62,0	Sáu hai	75,0	Bảy lăm	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
26	09027	Vũ Thị Phương Thảo	04/10/1993	17,0	Mười bảy	75,3	Bảy lăm phẩy ba	92,3	Chín hai phẩy ba	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
27	09028	Nguyễn Thị Xuân Thu	21/09/2000	16,0	Mười sáu	71,6	Bảy một phẩy sáu	87,6	Tám bảy phẩy sáu	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
28	09029	Đỗ Thu Trà	27/04/2003	14,0	Mười bốn	65,3	Sáu lăm phẩy ba	79,3	Bảy chín phẩy ba	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	
29	09030	Nguyễn Phan Tùng	26/07/2003	14,0	Mười bốn	62,3	Sáu hai phẩy ba	76,3	Bảy sáu phẩy ba	Công nghiệp văn hóa và sáng tạo	

Tổng số thí sinh trong danh sách: 29

Số thí sinh từ 50 điểm trở lên: 27

Số thí sinh dưới 50 điểm: 02

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC**

**PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu**